

Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu.

Lớp: Năm.....

Họ tên học sinh:.....

PHIẾU HỌC TẬP MÔN TOÁN LỚP 5- TUẦN 23 (tiết 111)

BÀI: XĂNG-TI-MÉT KHỐI – ĐỀ-XI-MÉT KHỐI

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $1\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{cm}^3$ $375\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{cm}^3$

$5,8\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{cm}^3$ $6,2\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{cm}^3$

b) $2000\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$ $154000\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$

$490000\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$ $23000\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$

c) $0,216\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{cm}^3$ $0,24\text{dm}^3 = \dots\dots\dots\text{cm}^3$

$251\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$ $8305\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$

Bài 2: Viết số đo thể tích (theo mẫu):

- Hai trăm linh sáu xăng-ti-mét khối: 206cm^3
- Một đề-xi-mét khối năm phần mười:
- Ba nghìn hai trăm xăng-ti-mét khối:
- Tám mươi bảy phần chín mươi hai đề-xi-mét khối:.....
- Hai mươi sáu phần trăm xăng-ti-mét khối:.....
- Bảy trăm bốn mươi hai đề-xi-mét khối:.....